

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 15-7-2025

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga và ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLST-DS ngày 16/4/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 575/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L1

Người đại diện pháp luật ông Cồ Lê H1- Chức vụ giám đốc.

Địa chỉ: Số B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (địa chỉ cũ: Số B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng ông Đoàn Nguyễn Hải L, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Số B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (địa chỉ cũ: Số B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Trần Huy C, sinh ngày: 20/04/1992

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ B, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai).

(Ông L xin vắng mặt; ông C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) trình bày:***

Ngày 14/11/2022, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty T”) ký Hợp đồng tín dụng số: 3934753 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho ông Trần Huy C với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, ba trăm mười nghìn đồng), trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 2.310.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 48% năm. Theo đó, ông Trần Huy C có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 15/11/2025. Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3934753 giữa Công ty T và ông Trần Huy C là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng điện tử này được các bên giao kết thông qua việc ông Trần Huy C đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH H2 (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H2 cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T.

Sau khi ký kết, ngày 14/11/2022, Công ty T đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Trần Huy C với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà ông Trần Huy C đã cung cấp. Qua đó, ông Trần Huy C có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 15 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 12/07/2024, ông Trần Huy C đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía Công ty T mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ để đề nghị ông Trần Huy C thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ phía ông Trần Huy C về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, ông Trần Huy C chỉ thanh toán được 18 kỳ với tổng số tiền: 32.593.540 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi đồng).

Việc ông Trần Huy C có tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà đôi bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T. Tính đến ngày 29/05/2025, ông Trần Huy C đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau: Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 20.860.919 đồng. Số tiền lãi chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 19 đến kỳ 30, chi tiết tại

bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng): 7.107.761 đồng. Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 4.297.390 đồng. Số tiền lãi chậm trả ($10\% \times \text{số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$): 365.903 đồng.

Vì vậy, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án là buộc ông Trần Huy C phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T (Việt Nam) bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí tính đến ngày 15/7/2025 với tổng số tiền là: 34.139.184đ (ba mươi tư triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 20.860.919 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 7.107.761 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 5.713.077 đồng, tiền lãi chậm trả là 457.427 đồng. Đồng thời yêu cầu ông C phải tiếp tục thanh toán lãi, phát sinh từ ngày 16/7/2025 đến khi hoàn tất thanh toán theo hợp đồng.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định luật.

**** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Huy C vắng mặt không có ý kiến trình bày.***

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại các điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nên việc Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn để giải quyết vụ án là phù hợp.

Về nội dung tranh chấp: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn và buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp: Công ty T (Việt Nam) được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH M; mã số doanh nghiệp C1; đăng ký lần đầu ngày 08- 9-2011, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02-4-2024, kèm Giấy phép số 73/GP- NHNN, ngày 12-11-2021, thành lập và hoạt động

Công ty T (Việt Nam), được thực hiện các hoạt động của công ty tài chính tín dụng tiêu dùng theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng N trong đó có hoạt động cho vay tiêu dùng. Công ty T (Việt Nam) khởi kiện ông Trần Huy C yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng mà Công ty T (Việt Nam) và ông C đã ký kết. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định Công ty T (Việt Nam) là nguyên đơn, ông Trần Huy C là bị đơn. Quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Trần Huy C có địa chỉ cư trú tại Tổ B, ấp A, xã T, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ B, ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai).

1.3. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai lần diễn ra phiên tòa và phiên họp trước đó, ông C đều vắng mặt không thông báo lý do. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vv... Tòa án đều đã nêu rõ nội dung khởi kiện của Công ty T (Việt Nam). Ngoài ra, trong Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ, Tòa án còn hướng dẫn ông Trần Huy C có văn bản trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam). Nhưng ông C không trình bày quan điểm, ý kiến của mình, không gửi bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án như đã được hướng dẫn và yêu cầu, đồng thời cũng không đến Tòa án làm việc. Như vậy, ông C không phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam), không phản đối chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “ Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Xét hiệu lực của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3934753, ngày 14-11-2022; Hội đồng xét xử nhận định: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) kèm theo các tài liệu chứng cứ có đủ cơ sở để

nhận định: Ngày 14-11-2022, ông Trần Huy C có giao kết với Công ty T (Việt Nam) Hợp đồng tín dụng số 3934753; xét hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của Công ty T (Việt Nam) và ông Trần Huy C tự nguyện giao kết. Tuy ông C không trực tiếp ký tên vào Hợp đồng nhưng có giao kết hợp đồng dưới hình thức chữ ký số do ông C đã đăng ký loại chứng thư số OID-B1.0 -1D do trung tâm D chứng nhận.

Xét thấy; theo Điều 8 [Nghị định 130/2018/NĐ-CP](#) định về giá trị của chữ ký số như sau: “ Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP. Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ- CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau: “ Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số đó”; “ Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chứng sau đây cấp:

- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Chính phủ;
- + Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chữ ký số của ông Trần Huy C đăng ký và được Trung tâm D cung cấp. Công ty T (Việt Nam) là đơn vị được thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT- CA, theo giấy phép cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng 527/GP-BTTTT, ngày 12-10-2015, của Bộ thông tin nên chữ ký số ông Trần Huy C đăng ký có giá trị pháp lý.

Xét về nội dung của Hợp đồng tín dụng số 3934753, ngày 14-11-2022 không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý trí tự nguyện của các bên giao kết, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 124 [Bộ luật dân sự năm 2015](#) do đó, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3934753, ngày 14-11-2022 giao kết giữa ông Trần Huy C với Công ty T (Việt Nam) có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn ông Trần Huy C trả khoản nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 15/7/2025 là 34.139.184đ (ba mươi tư triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 20.860.919 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 7.107.761 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 5.713.077 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 16/7/2025 đến ngày ông C thanh toán xong khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy; trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông Trần Huy C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng. Ông Trần Huy C chưa trả được nợ gốc; nợ lãi theo như hợp đồng hai bên đã giao kết. Ông C mới trả được 18 kỳ là 32.593.540đ (ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi đồng). Như phân tích mục

[2.1], bị đơn ông C cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

[2.4] Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Trần Huy C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) toàn bộ số nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 15/07/2025) là: 34.139.184đ (ba mươi tư triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 20.860.919 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 7.107.761 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 5.713.077 đồng, tiền lãi chậm trả là 457.427 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi phát sinh: Ngoài khoản tiền lãi nêu trên thì Công ty T (Việt Nam) yêu cầu ông C phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 16/7/2025 đến khi thanh toán xong số nợ theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 có nội dung: “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này...” . Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) được chấp nhận nên Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Huy C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.706.959đ (một triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn chín trăm năm mươi chín đồng).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 122, Điều 123 và Điều 124 [Bộ luật dân sự năm 2015](#)

Căn cứ khoản 3 Điều 209; khoản 2 Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Căn cứ khoản 2, Điều 3; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn ông Trần Huy C.

Buộc ông Trần Huy C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền là 34.139.184đ (ba mươi tư triệu một trăm ba mươi chín ngàn một trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 20.860.919 đồng, tiền lãi chưa thanh toán là 7.107.761 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 5.713.077 đồng, tiền lãi chậm trả là 457.427 đồng.

Đối với số tiền nợ gốc, kể từ ngày 16/7/2025, nếu ông Trần Huy C chậm thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) thì ông C phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 3934753 ngày 14/11/2022 mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Huy C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.706.959đ (một triệu bảy trăm lẻ sáu ngàn chín trăm năm mươi chín đồng).

2.2 Hoàn trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 692.000đ (sáu trăm chín mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0025330 ngày 16/4/2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Tâm

